

Rủi ro sở hữu chéo tại hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp

Nguyễn Thị Hoài Phương*

Ngày nhận: 9/8/2014

Ngày nhận bản sửa: 10/9/2014

Ngày duyệt đăng: 22/9/2014

Tóm tắt:

Tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam là nhiệm vụ trọng tâm của đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015”. Tuy nhiên, quá trình tái cơ cấu các ngân hàng thương mại đang gặp phải một nút thắt hết sức khó gỡ mang tên sở hữu chéo. Sở hữu chéo gây ra sự biến dạng trong cơ cấu vốn, nảy sinh mâu thuẫn lợi ích, vô hiệu hóa các chỉ tiêu an toàn tín dụng và gây ra nợ xấu. Trước ảnh hưởng nghiêm trọng của sở hữu chéo, các giải pháp được đề xuất là: xác định lại các khoản vốn khi tính hệ số an toàn vốn, cấm hiện tượng đầu tư vòng vèo giữa các tổ chức tín dụng, có cơ chế xác định người sở hữu tại các tổ chức tín dụng, tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại các ngân hàng Việt Nam, bổ sung các quy định giới hạn về mức sở hữu cổ phần, đưa hoạt động của các công ty tài chính vào đối tượng điều chỉnh của luật các tổ chức tín dụng...

Từ khóa: hệ số an toàn vốn, nợ xấu, sở hữu chéo, thoái vốn

1. Đặt vấn đề

Trên thế giới, hình thức sở hữu chéo xuất hiện từ rất lâu và đã mang lại những thành công nhất định. Ở Việt Nam, sở hữu chéo trong lĩnh vực ngân hàng ngày càng trở nên phổ biến với những mối quan hệ chằng chịt của nó. Trong bối cảnh mở cửa sâu rộng nền kinh tế hiện nay, bên cạnh những tác động tích cực, sở hữu chéo còn được coi là nguyên nhân dẫn đến những ảnh hưởng tiêu cực cho hệ thống ngân hàng. Sở hữu chéo làm giảm động lực cạnh tranh khi các liên minh ngân hàng trục lợi bằng hành vi thao túng giá trên thị trường, sở hữu chéo có thể dẫn tới sự hoạt động không hiệu quả trong phân bổ tín dụng và sự luân chuyển của dòng vốn. Sở hữu chéo làm giảm sự minh bạch về thông tin, tạo nên nguồn “vốn ảo”, làm sai lệch công tác quản trị và chiến lược phát triển của ngân hàng. Đặc biệt, sở hữu chéo còn gây ra những xung đột về lợi ích giữa các nhóm hay còn gọi là “mâu thuẫn lợi ích” (Nguyễn Minh Phong, 2013). Sở hữu chéo dưới áp lực của một vài cổ đông lớn thường tạo ra sự thiếu công bằng và lành mạnh trong hoạt động kinh doanh. Bởi vậy,

chừng nào còn tồn tại ma trận sở hữu chéo trong hệ thống ngân hàng thì việc tái cơ cấu kinh tế còn bị cản trở.

Trước những diễn biến phức tạp của sở hữu chéo tại các ngân hàng thương mại Việt Nam, bài viết này sẽ phân tích các ảnh hưởng nghiêm trọng của nó tới sự ổn định và phát triển bền vững của hệ thống ngân hàng và cả nền kinh tế. Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, dựa trên các nguồn dữ liệu thứ cấp thu thập từ báo cáo của ủy ban kinh tế quốc hội, báo cáo thường niên của ngân hàng nhà nước và các ngân hàng thương mại. Bài viết đề cập tới thực trạng sở hữu chéo tại các ngân hàng thương mại Việt Nam với 6 hình thức sở hữu khác nhau, từ đó chỉ ra những tác động của nó tới hiệu quả hoạt động của thị trường tài chính. Trên thực tế, sự gia tăng vốn ảo đã làm sai lệch các chỉ tiêu an toàn tín dụng từ đó khiến tỷ lệ nợ xấu gia tăng, đây thực sự trở thành bài toán khó trong quá trình tái cơ cấu các ngân hàng thương mại Việt Nam. Từ thực trạng sở hữu chéo tại các ngân hàng thương mại Việt Nam, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu rủi ro

sở hữu chéo trong hệ thống ngân hàng. Các giải pháp này tập trung giải quyết ba nhóm vấn đề: giải pháp đối với việc sở hữu chéo làm sai lệch các chỉ tiêu an toàn tín dụng, giải pháp đối với sự gia tăng nợ xấu và lũng đoạn thị trường tài chính.

2. Sở hữu chéo trong hệ thống ngân hàng thương mại và các tác động của nó

Từ điển kinh doanh trực tuyến Cambridge định nghĩa: sở hữu chéo là mối quan hệ giữa hai hay nhiều chủ thể kinh tế trong đó các chủ thể kinh tế có quan hệ sở hữu lẫn nhau. Theo đó, có thể hiểu sở hữu chéo là hình thức một ngân hàng này sở hữu một ngân hàng khác hay một ngân hàng này sở hữu một doanh nghiệp khác. Trong hình thức sở hữu chéo, các nhà đầu tư có thể sở hữu cổ phần một cách trực tiếp hoặc gián tiếp của hai ngân hàng trở lên hoặc sở hữu cổ phần lẫn nhau.

Trong hoạt động ngân hàng – tài chính, hình thức sở hữu chéo đã xuất hiện ở các nước tư bản và các nền kinh tế phát triển như khu vực Châu Âu, Hàn Quốc, Nhật, Mỹ, Canada từ những năm 1960 – 1990 (De Bonis và cộng sự, 2011). Sở hữu chéo bùng nổ ở Nhật Bản trong thời kỳ phục hồi kinh tế sau chiến tranh thế giới thứ II. Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Nhật suy giảm, sở hữu chéo giúp các công ty cổ phần có khả năng vay vốn dễ dàng từ ngân hàng và giúp ngân hàng tăng trưởng lợi nhuận từ cho vay (Nguyễn Thị Lan Hương, 2013). Bên cạnh Nhật Bản, sự hình thành mạng lưới sở hữu chéo tại các ngân hàng của Ý gắn liền với sự thay đổi trong quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng được bắt đầu từ những năm 1990, điển hình là các đạo luật mới của Châu Âu về lĩnh vực ngân hàng (*Sở hữu chéo và năng lực cạnh tranh của các ngân hàng - Một số kinh nghiệm từ nước Ý*, 2009). Đức cũng được coi là một bằng chứng cho thấy sở hữu chéo giữa ngân hàng và doanh nghiệp là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự thành công của quá trình công nghiệp hóa ở quốc gia này (Nguyễn Đức Trung và Phạm Mạnh Hùng, 2013). Trong khi đó, mối quan hệ sở hữu chéo giữa ngân hàng và doanh nghiệp lại không phổ biến nhiều ở Anh hay Mỹ, do những quốc gia này có nền tài chính phát triển định hướng theo thị trường từ lâu đời (Cole, 2009).

2.1. Những ảnh hưởng tích cực

Trên thực tế, hình thức sở hữu chéo tồn tại ở hầu hết các hệ thống tài chính trên thế giới với quy mô và mức độ phức tạp khác nhau. Hình thức này đã đem lại những thành công nhất định, góp phần hỗ trợ cho hoạt động và sự phát triển của các định chế tài chính (Berger và cộng sự). Các mặt tích cực của sở hữu chéo có thể kể đến là:

Cho phép các tổ chức kinh tế góp vốn với nhau để tăng quy mô tổng tài sản và nguồn vốn kinh doanh, từ đó giúp mở rộng hoạt động đầu tư sản xuất. Đây chính là cơ sở hình thành nên các công ty cổ phần, công ty liên doanh và liên kết. Đặc biệt, đối với các ngân hàng nhỏ, sở hữu chéo sẽ giúp các ngân hàng này nâng cao năng lực tài chính, học hỏi kinh nghiệm của các ngân hàng lớn, từ đó cải thiện chất lượng dịch vụ và phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

Sự liên kết giữa các bên sẽ giúp các công ty, ngân hàng có thể tận dụng ưu thế của nhau một cách tối đa như củng cố uy tín, thương hiệu, phát triển hệ thống mạng lưới, chi nhánh, nguồn nhân lực và công nghệ. Ví dụ, nếu công ty tiết kiệm bưu điện góp vốn với ngân hàng thương mại để trở thành mô hình ngân hàng bưu điện thì ngân hàng thương mại vừa có cơ hội tăng vốn điều lệ vừa có thể triển khai cung cấp dịch vụ ngân hàng dựa trên mạng lưới sẵn có của hệ thống bưu điện. Trong khi đó, mô hình này lại giúp công ty tiết kiệm bưu điện phát huy hiệu quả hoạt động, tăng tính an toàn và mức độ tín nhiệm, từ đó góp phần tăng thu cho ngành bưu chính viễn thông nói chung.

Sở hữu chéo kết nối doanh nghiệp với ngân hàng, từ đó ngân hàng hiểu rõ hơn về cơ cấu tổ chức, khả năng tài chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp và các công ty con. Đây cũng là kênh giúp ngân hàng có thể giám sát công ty mà ngân hàng góp vốn từ đó giúp ngân hàng hoạt động kinh doanh có hiệu quả hơn.

Sở hữu chéo giúp điều hòa vốn nhanh chóng khi các ngân hàng thực hiện cho vay hợp vốn đối với các dự án tâm cỡ, hỗ trợ thanh khoản lẫn nhau, từ đó tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào trong nước, thúc đẩy phát triển kinh tế.

2.2. Những ảnh hưởng tiêu cực

Bên cạnh những tác động tích cực, sở hữu chéo cũng tiềm ẩn không ít rủi ro (Berger và cộng sự, 2008). Các rủi ro cơ bản thường gặp trong hình thức sở hữu chéo là:

Sở hữu chéo có thể làm giảm động lực cạnh tranh. Việc liên doanh liên kết sẽ tạo nên sức cạnh tranh rất lớn cho các ngân hàng. Vì vậy, tại một số thời điểm, liên minh ngân hàng này có thể trục lợi bằng các hành vi thao túng giá trên thị trường như gây ra các sóng tỷ giá và lãi suất liên ngân hàng...từ đó bóp méo cạnh tranh và làm ảnh hưởng đến hoạt động của các ngân hàng khác.

Sở hữu chéo có thể làm giảm sự minh bạch về thông tin do mức độ đan chéo và phức tạp của nó. Với đặc điểm sở hữu “chằng chịt” như ma trận sẽ

khiến các cơ quan quản lý không biết mức độ đan chéo trong sở hữu là bao nhiêu, từ đó gây khó khăn trong việc quản lý và tạo ra rủi ro cho toàn hệ thống.

Sở hữu chéo có thể dẫn tới sự hoạt động không hiệu quả trong việc phân bổ tín dụng và sự luân chuyển của dòng vốn. Ví dụ, các ngân hàng thương mại khi liên kết với doanh nghiệp, họ sẽ dễ dàng cho doanh nghiệp “sân sau” của mình vay mà buông lỏng, không thẩm định chặt chẽ các khoản cho vay. Mỗi liên kết thiếu lành mạnh giữa ngân hàng và doanh nghiệp sẽ làm nảy sinh tình trạng đảo nợ, từ đó khiến hoạt động cho vay tiềm ẩn rủi ro và dẫn tới nợ xấu.

Sở hữu chéo còn gây ra sự biến dạng trong cơ cấu vốn, tạo nên nguồn “vốn ảo”. Thông qua sở hữu chéo, để đáp ứng quy mô về vốn, các ngân hàng có thể vay vốn từ ngân hàng này để góp vốn cho ngân hàng kia và ngược lại. Như vậy các ngân hàng đều báo cáo tăng vốn nhưng thực chất chỉ là vốn ảo. Việc đi vay để góp vốn làm tổng nguồn vốn của nền kinh tế không tăng nhưng lại làm tổng dư nợ tăng lên, gây ra sự tăng trưởng nóng trong hoạt động tín dụng. Bên cạnh đó, việc tăng vốn ảo khiến ngân hàng đánh giá không chính xác về vốn tự có, từ đó hệ số an toàn vốn (CAR) bị đánh giá cao hơn so với thực tế, từ đó làm sai lệch công tác quản trị và chiến lược phát triển của ngân hàng.

Sở hữu chéo gây ra những xung đột về lợi ích giữa các nhóm hay còn gọi là “mâu thuẫn lợi ích”. Sở hữu chéo dưới áp lực của một vài cổ đông lớn thường tạo ra sự thiếu công bằng và lành mạnh trong hoạt động kinh doanh. Ví dụ: Khi một doanh nghiệp có cổ phần trong ngân hàng, nếu như nó có đại diện trong ngân hàng đó, thì rõ ràng người đại diện sẽ hoạt động theo lợi ích của công ty kia nhiều hơn là vì lợi ích của ngân hàng. Điều đó tạo ra những khoản tín dụng không hiệu quả, gây nên tổn thất cho chính bản thân ngân hàng và toàn xã hội.

3. Thực trạng sở hữu chéo tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

Sở hữu chéo xuất hiện ở Việt Nam vào đầu những năm 1990 đến 1993, khi chúng ta bắt đầu mở cửa sâu rộng nền kinh tế và có những ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên. Tại thời điểm này, vốn của các ngân hàng thương mại cổ phần còn rất nhỏ bé nên Chính phủ đã có chính sách khuyến khích các ngân hàng thương mại quốc doanh và doanh nghiệp nhà nước lớn tham gia để hỗ trợ quản lý và tạo ra mức độ an toàn vốn tối thiểu cho các ngân hàng thương mại cổ phần. Cũng vì yếu tố này, trong giai đoạn 2005 – 2007, việc quyết định chuyển đổi 13 ngân hàng nông thôn thành ngân hàng thành thị đã cho

phép hình thành sự liên kết giữa các ngân hàng khác nhau để đáp ứng yêu cầu về vốn điều lệ tối thiểu là 1.000 tỷ VND vào năm 2008 và 3000 tỷ đồng vào năm 2010. Đặc biệt, trong bối cảnh tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, bên cạnh các ngân hàng thương mại lớn đã có rất nhiều tập đoàn và tổng công ty nhà nước, tư nhân tham gia góp vốn vào các tổ chức tín dụng. Ủy ban kinh tế quốc hội (2012) cho rằng có khoảng trên 40 doanh nghiệp nhà nước và tư nhân có sở hữu trên 5% tại các ngân hàng thương mại cổ phần và các doanh nghiệp này lại sở hữu các công ty đầu tư tài chính khác. Chính điều này đã khiến mối quan hệ giữa ngân hàng thương mại cổ phần với các tập đoàn kinh tế ngày càng trở nên phức tạp, nhiều ngân hàng đang được sở hữu bởi các công ty gia đình hoặc các thành viên gia đình vốn đồng thời lãnh đạo ở các doanh nghiệp khác.

3.1. Các hình thức sở hữu chéo tại ngân hàng thương mại Việt Nam

Hình thức sở hữu chéo tại các ngân hàng thương mại Việt Nam rất đa dạng, hiện nay có các hình thức sở hữu chéo cơ bản như sau:

3.1.1. Sở hữu chéo giữa các ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần

Bốn ngân hàng thương mại hàng đầu của Việt Nam bao gồm Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB), Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương (VietinBank) và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (AgriBank) đều đang sở hữu các ngân hàng thương mại cổ phần khác. Trong đó:

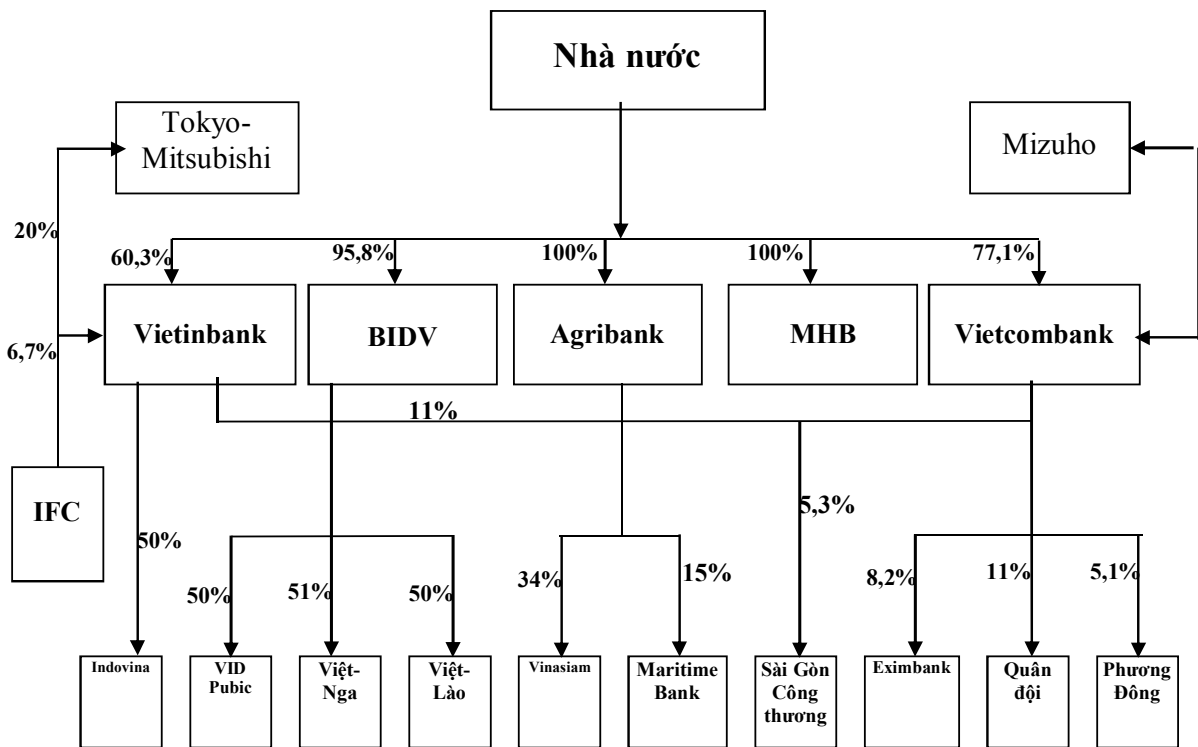
- Vietcombank là tổ chức tín dụng sở hữu nhiều cổ phần nhất tại các ngân hàng thương mại khác. Sau khi thoái vốn khỏi ngân hàng thương mại cổ phần Gia Định, Vietcombank đang là cổ đông tại 5 ngân hàng thương mại khác, cụ thể là: 11% cổ phần tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội, 8,2% tại Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu; 5,3% tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Công thương; 5,1% tại Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông và 4,7% tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Dương.

- AgriBank sở hữu 15% cổ phần tại Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải, 11% tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn.

- VietinBank sở hữu 11% cổ phần tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn.

Mỗi quan hệ sở hữu chéo giữa các ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam được mô tả tại Hình 1.

Hình 1: Sở hữu chéo giữa các ngân hàng thương mại nhà nước và các ngân hàng thương mại cổ phần



Nguồn: Nguyễn Đức Mậu và Nguyễn Xuân Thành (2012, tr.12)

3.1.2. Sở hữu chéo giữa các ngân hàng thương mại cổ phần với nhau

Các ngân hàng thương mại cổ phần hiện nay cũng có xu hướng góp vốn và sở hữu lẫn nhau. Điển hình như Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu đang sở hữu 20% cổ phần tại Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu. Trong khi đó, Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu lại sở hữu 10,3% cổ phần tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín và 8,5% cổ phần tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á. Ngoài ra, ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu còn sở hữu cổ phần ở nhiều ngân hàng khác như 6,1% tại ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long, 10% ở Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín, 10,8% ở Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Á (Nguyễn Đức Mậu và Nguyễn Xuân Thành, 2012).

3.1.3. Sở hữu chéo giữa các ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại nước ngoài tại các ngân hàng liên doanh

Việt Nam hiện có 6 ngân hàng liên doanh và mỗi trong số đó thuộc sở hữu của một số ngân hàng trong và ngoài nước. Ví dụ: Ngân hàng Việt – Thái là ngân hàng liên doanh giữa ba đối tác lớn là Agribank, Ngân hàng thương mại Siam của Thái Lan và tập đoàn Charoen Pokphand của Thái Lan với tỷ lệ vốn góp tương ứng là 34%, 33% và 33%. Ngân hàng Việt – Nga là liên doanh giữa BIDV và ngân

hàng VTB (trước là ngân hàng Ngoại thương Nga Vneshtorgbank) với mức góp vốn điều lệ ngang nhau (Nguyễn Đức Mậu và Nguyễn Xuân Thành, 2012).

3.1.4. Cổ đông chiến lược nước ngoài tại các ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần

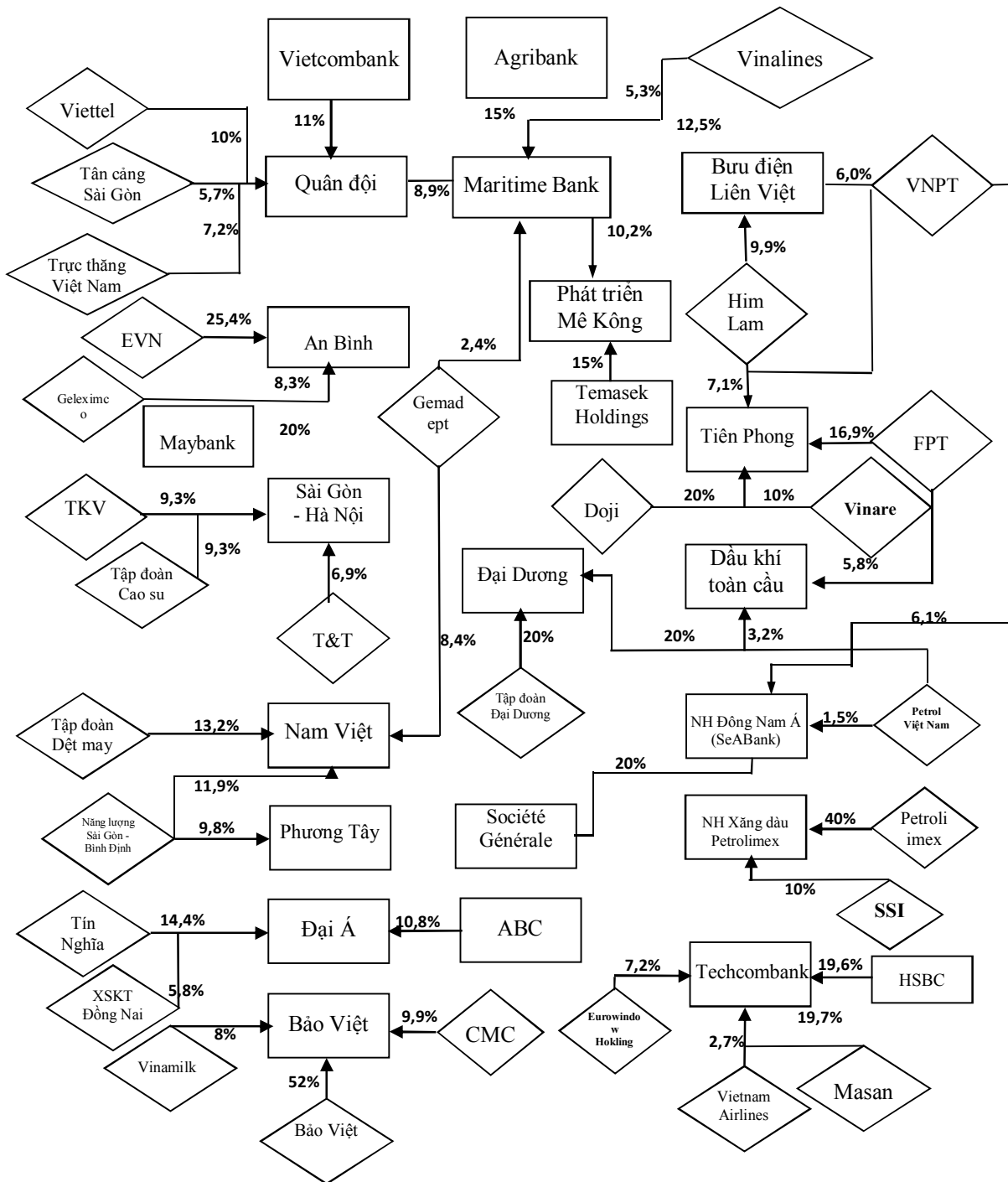
Trong quá trình mở rộng thu hút vốn và kỹ năng quản trị từ 158 định chế tài chính nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước đã có chủ trương khuyến khích các ngân hàng thương mại trong nước tìm kiếm các đối tác nước ngoài làm cổ đông chiến lược. Hiện tại, Việt Nam có khoảng 10 ngân hàng thương mại có đối tác chiến lược là các tập đoàn tài chính nước ngoài (Nguyễn Đức Mậu và Nguyễn Xuân Thành, 2012).

3.1.5. Cổ đông tại các ngân hàng thương mại là các công ty quản lý quỹ

Từ năm 2005 trở lại đây, các quỹ quản lý vốn bắt đầu xuất hiện ở Việt Nam. Các quỹ này thường đầu tư vốn vào những Ngân hàng thương mại cổ phần có tiềm năng phát triển tốt. Ví dụ: Vina Capital đầu tư vốn vào ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương, VOF đầu tư vào ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu, Dragon đầu tư vào Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu.

3.1.6. Sở hữu chéo giữa các ngân hàng thương mại CP và các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và

Hình 2: Sở hữu chéo giữa các ngân hàng thương mại cổ phần và các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và tư nhân



Nguồn: Nguyễn Đức Mậu và Nguyễn Xuân Thành (2012, tr.13)

tư nhân

Hiện nay, có rất nhiều tập đoàn kinh tế nhà nước và tập đoàn cổ phần đang đầu tư dài hạn với vai trò là nhà đầu tư chiến lược tại các ngân hàng thương mại cổ phần. Trong đó:

- Tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội, Viettel sở hữu 10% cổ phần, Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn: 5,7%, Tổng công ty trực thăng Việt Nam: 7,2% cổ phần;

- Tại Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình, EVN sở hữu 25,4% cổ phần;

- Tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội, tập đoàn than khoáng sản Việt Nam và tập đoàn Cao su Việt Nam đều sở hữu 9,3% cổ phần;

- Tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc dân, tập đoàn Dệt may Việt Nam sở hữu 13,2% cổ phần;

- Tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt, Vinamilk sở hữu 8% cổ phần, tập đoàn Bảo Việt sở

hữu 52% cổ phần;

- Tại Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải, Vinalines sở hữu 5,3% cổ phần;

- Tại Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt, VNPT sở hữu 6% cổ phần, tập đoàn Him Lam sở hữu 9,9% cổ phần;

- Tại Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên phong, VNPT sở hữu 7,1% cổ phần, FPT sở hữu 16,9% cổ phần;

- Tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á, VNPT sở hữu 6,1% cổ phần, Petro Việt Nam sở hữu 1,5% cổ phần;

- Tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương, Vietnam Airlines sở hữu 2,7% cổ phần, tập đoàn EuroWindow sở hữu 7,2% cổ phần.

Mối quan hệ sở hữu chéo giữa các ngân hàng thương mại cổ phần và các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và tư nhân được mô tả như Hình 2.

3.2. Tác động của sở hữu chéo tới hoạt động của thị trường tài chính Việt Nam

Với thực trạng sở hữu chéo tại các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam như “ma trận” hiện nay đã gây tác động và ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự ổn định của hệ thống tài chính và cả nền kinh tế.

3.2.1. Sở hữu chéo làm sai lệch các chỉ tiêu an toàn tín dụng, ảnh hưởng tới hoạt động quản trị ngân hàng

Dưới hình thức sở hữu chéo, các ngân hàng thương mại đã lách được hầu hết các quy định của ngân hàng nhà nước về các chỉ tiêu an toàn tín dụng như hệ số an toàn vốn, giới hạn tín dụng cấp cho khách hàng hay giới hạn đầu tư. Điều này dẫn đến các chỉ tiêu và giới hạn an toàn này sẽ sai lệch nghiêm trọng, không phản ánh đúng thực tế quy mô vốn chủ sở hữu và vốn vay trong cơ cấu vốn ngân hàng. Ngân hàng Nhà nước (2005) quy định về việc cho phép các tổ chức tín dụng được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để đầu tư vào doanh nghiệp, đầu tư dự án và các tổ chức tín dụng khác. Cụ thể là: tổ chức tín dụng được sử dụng tối đa 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của mình để đầu tư vào các doanh nghiệp, quỹ đầu tư, đầu tư dự án và vào các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức góp vốn đầu tư, liên doanh hoặc mua cổ phần. Như vậy, việc sở hữu nguồn vốn ảo sẽ khiến hoạt động góp vốn giữa các ngân hàng và các công ty, tổ chức, doanh nghiệp trong giai đoạn 2005 – 2010 tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn hệ thống.

Ngân hàng Nhà nước (2010) cũng đưa ra giới hạn cho vay của một khách hàng là 15% vốn tự có và của một nhóm khách hàng có liên quan là 50% vốn

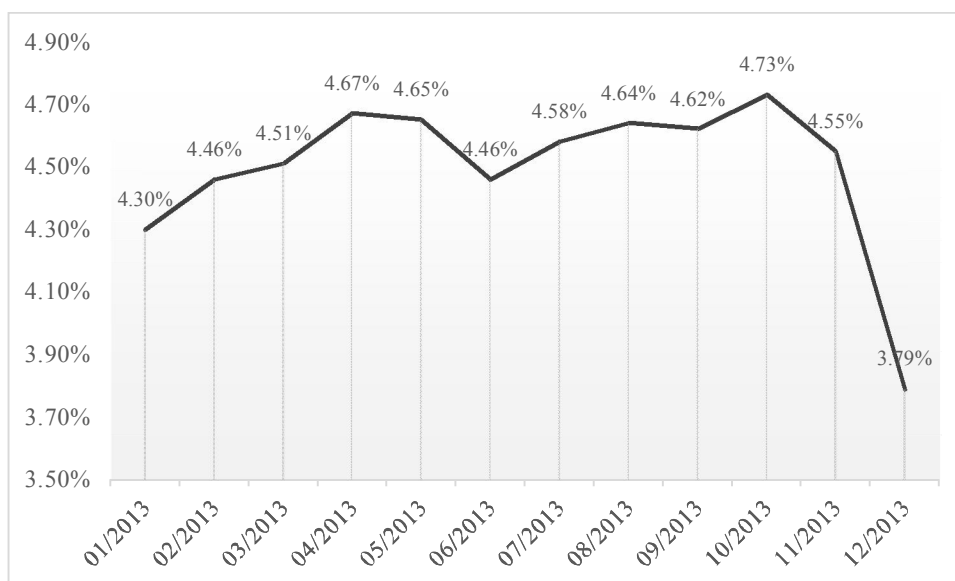
tự có. Tổng mức cho vay và bảo lãnh đối với một khách hàng không được vượt quá 25% vốn tự có và của một nhóm khách hàng có liên quan không được vượt quá 60% vốn tự có. Trên thực tế hình thức sở hữu chéo đã làm tăng giới hạn này và gián tiếp cho phép các tổ chức tín dụng được giải ngân với số tiền lớn hơn gây rủi ro mất kiểm soát về vốn. Tăng trưởng tín dụng cao với hệ số an toàn vốn ảo sẽ khiến tầm đệm phòng chống rủi ro không đủ khả năng chống đỡ khi có những tổn thất tín dụng xảy ra.

3.2.2. Sở hữu chéo làm phát sinh nợ xấu

Nợ xấu chính là hậu quả nghiêm trọng nhất của sở hữu chéo, nó đang gây ra sự tắc nghẽn trong hoạt động luân chuyển dòng vốn và đẩy các ngân hàng rơi vào nguy cơ phá sản. Thực trạng hiện nay cho thấy, hầu hết các tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp nhà nước lớn ở Việt Nam đều đang sở hữu ngân hàng thương mại cổ phần. Các ngân hàng thương mại này lại cho chính doanh nghiệp “sân sau” của mình vay khiến các doanh nghiệp lúc này vừa là người vay vừa là chủ sở hữu của ngân hàng. Cụ thể dưới hình thức sở hữu chéo, các cổ đông chiến lược sẽ chi phối ngân hàng cấp vốn đầu tư vào những dự án không đủ tiêu chuẩn của doanh nghiệp hay ngân hàng mình. Mặc dù theo quy định thì các ngân hàng không được cho các cổ đông của mình vay vốn, nhưng ngân hàng vẫn có thể lách quy định này bằng cách cho các công ty con của doanh nghiệp vay vốn. Từ đó các hoạt động cho vay sẽ trở nên mất kiểm soát, ngân hàng sẵn sàng nới lỏng các quy chế và quy định an toàn trong việc cấp tín dụng dẫn tới rủi ro. Ngoài ra, khi khách hàng không trả được nợ, thay vì xếp khoản cho vay vào nhóm nợ xấu và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định, ngân hàng có thể dùng hình thức “đào nợ” bằng cách cho khách hàng vay một khoản mới và dùng khoản này để trả món nợ cũ. Như vậy, hoạt động của ngân hàng có sở hữu chéo đã rủi ro nay còn rủi ro hơn do nợ xấu không được nhận diện trong khi lớp đệm dự phòng rủi ro lại quá mỏng.

Hiện nay, nợ xấu tại các ngân hàng thương mại Việt Nam vẫn tiếp tục trở thành vấn đề nhức nhối trong quá trình tái cơ cấu các tổ chức tín dụng. Báo cáo thường niên của Ngân hàng Nhà nước (2011, 2012, 2013) cho thấy tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống ngân hàng năm 2011 là 3,8%, đến năm 2012 tỷ lệ này là 4,08%. Bước sang năm 2013, tỷ lệ nợ xấu vẫn tiếp tục tăng cao, từ mức 4,3% vào tháng 1/2013 đã chạm mức 4,46% vào tháng 6/2013. Báo cáo cập nhật mới nhất của ngân hàng nhà nước cho thấy, nợ xấu của các tổ chức tín dụng đã giảm với mức đáng kể, xuống chỉ còn 3,79% vào thời điểm cuối năm

Hình 3: Tỷ lệ nợ xấu của các tổ chức tín dụng năm 2013



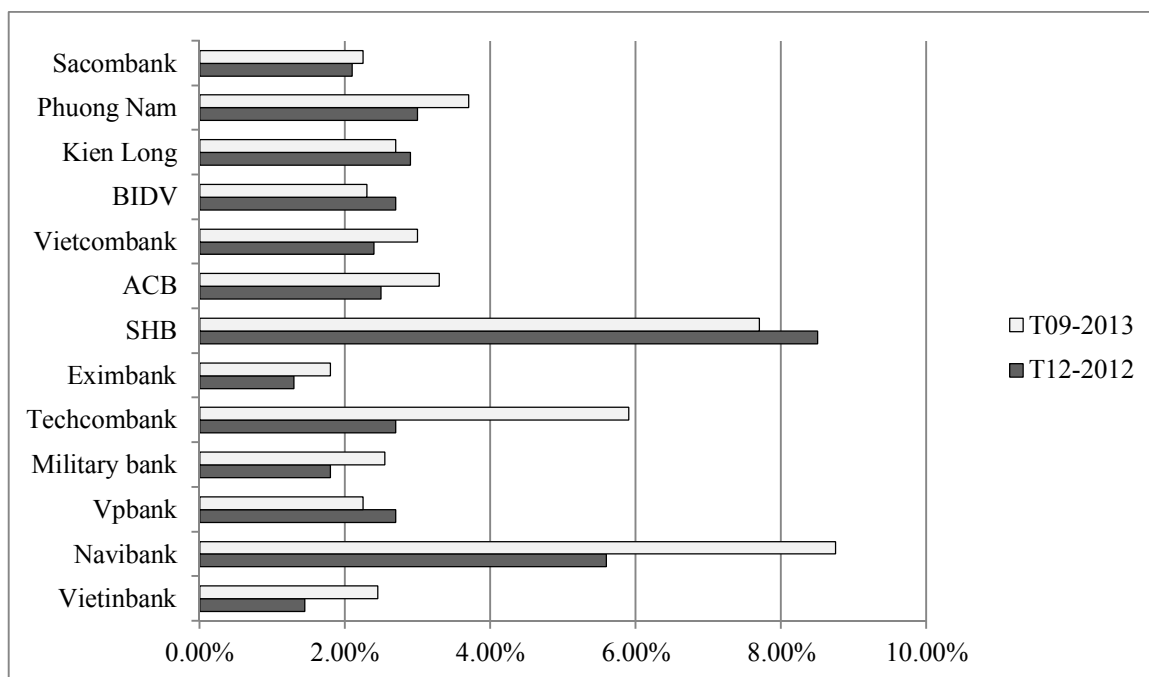
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2013)

2013 (Hình 3). Tuy nhiên, về con số tuyệt đối, nợ xấu vẫn tăng lên trong năm qua. Đến 31/12/2012, tổng dư nợ đối với nền kinh tế là 3.090.904 tỷ đồng; tỷ lệ nợ xấu là 4,08% tương ứng với 126.108 tỷ đồng. Đến 31/12/2013, tính theo tỷ lệ tăng trưởng tín dụng 12,5% như ngân hàng nhà nước công bố, tổng dư nợ là 3.477.267 tỷ đồng; tỷ lệ nợ xấu chỉ còn 3,79%, nhưng con số tuyệt đối tương ứng là 131.788 tỷ đồng.

Con số trên được Ngân hàng Nhà nước cập nhật trên cơ sở báo cáo định kỳ của các tổ chức tín dụng.

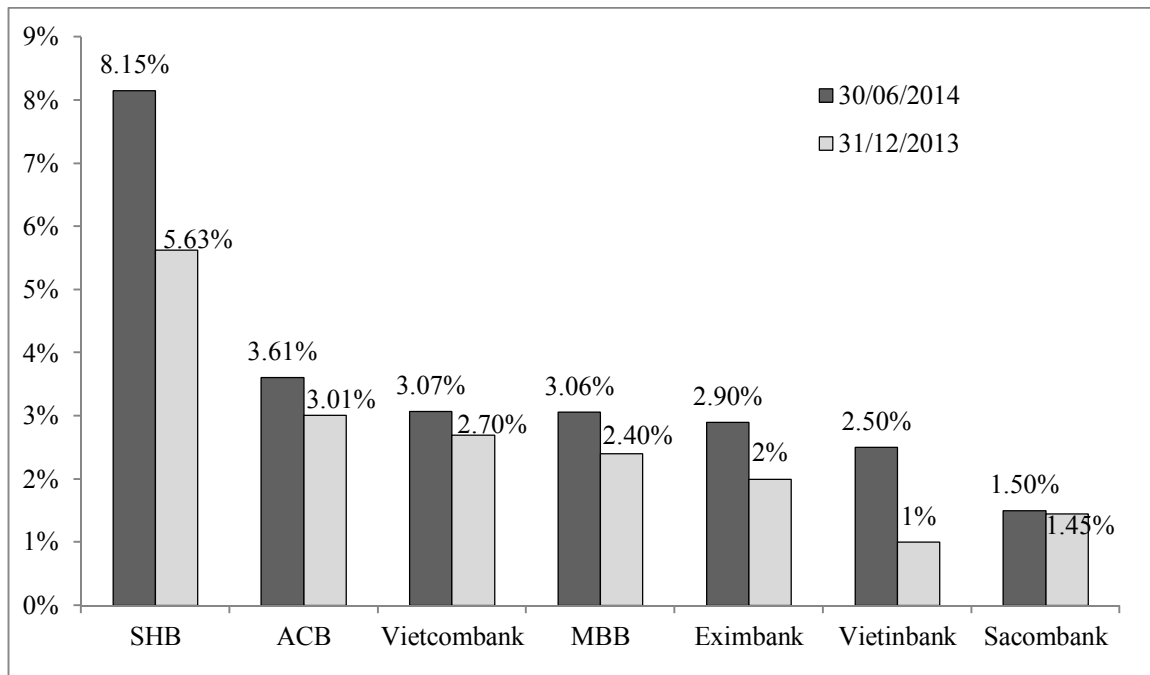
Còn con số qua cơ quan giám sát từ xa của Ngân hàng Nhà nước thường cao hơn nhiều, và hiện chưa có công bố chính thức để so sánh. Vì vậy, trên thực tế, nợ xấu vẫn là vấn đề đáng báo động. Đặc biệt, đáng lo ngại nhất là sự gia tăng liên tục của nợ nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn). Tại thời điểm 30/06/2014, nợ nhóm 5 đã chiếm gần 50% tổng nợ xấu của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Trong khi đó, kết quả khảo sát mới đây của vụ dự báo thống kê tiền tệ, ngân hàng nhà nước cho thấy, trong số 124 tổ chức tín dụng tham gia khảo sát, có

Hình 4: Tỷ lệ nợ xấu của một số ngân hàng cuối tháng 9/2013



Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo thường niên của Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Hình 5: Tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng niêm yết tính đến tháng 6/2014



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất quý II của các ngân hàng thương mại cổ phần

khoảng 30 tổ chức tín dụng khai báo tỷ lệ nợ xấu ở mức trên 3%, chiếm khoảng 1/4 số lượng tổ chức tín dụng hiện nay. Báo cáo cũng cho thấy, có tới trên 50% tổ chức tín dụng có tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm cuối năm 2013 sẽ không đổi hoặc tăng so với cuối năm 2012.

Trong số các ngân hàng thương mại Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt, Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương và Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội là những ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu cao nhất năm 2012 – 2013: tỷ lệ này có lúc đã lên tới gần 9%. Các ngân hàng lớn như Vietcombank, Vietinbank hay Á Châu... có tỷ lệ nợ xấu thấp hơn, vào khoảng 1,5 – 3,3% (Hình 4).

Riêng đối với các ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết, mặc dù dư nợ cho vay tăng chậm nhưng tỷ lệ nợ xấu tính đến thời điểm tháng 6/2014 cũng có xu hướng tăng nhanh so với thời điểm cuối năm 2013. Trong đó, tổng nợ từ nhóm 3 đến nhóm 5 của 8 ngân hàng niêm yết tại thời điểm cuối tháng 6/2014 là 37.209 tỷ đồng, tăng 53,57% so với cuối năm ngoái. So với tổng dư nợ cho vay, nợ xấu chiếm 3,14%. Báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội không nêu chi tiết các nhóm nợ, mà chỉ ghi chung chung là nợ quá hạn. Theo đó, tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ cho vay khách hàng của ngân hàng này tại thời điểm cuối tháng 6/2014 là 8,17%. Con số này tăng 72,4% trong vòng 6 tháng đầu năm. Theo tiêu chí phân nhóm nợ quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN,

Vietinbank là ngân hàng có số nợ xấu tăng nhanh nhất, từ 3.370 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm ngoái lên 9.576 tỷ đồng vào cuối tháng 6/2014, tức tăng 1,54 lần. Tuy nhiên, nếu so với tổng dư nợ cho vay thì nợ xấu của Vietinbank vẫn thấp hơn nhiều ngân hàng khác, ở mức 2,50% tại thời điểm cuối tháng 6.

Xét về số tuyệt đối thì Vietcombank có nợ xấu lớn thứ hai sau Vietinbank, với hơn 9.032 tỷ đồng, tương đương với tỷ lệ 3,07% tổng dư nợ. Con số này tăng 21% trong 6 tháng đầu năm. Còn đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu, dù dư nợ cho vay tăng trưởng âm, nhưng nợ xấu của ngân hàng này vẫn tăng mạnh. Cụ thể, tổng nợ từ nhóm 3 đến nhóm 5 tại thời điểm cuối tháng 6/2014 là hơn 2.364 tỷ đồng, tăng trên 43% so với cuối năm ngoái. Tỷ lệ nợ xấu hiện tại là 2,90%.

3.2.3. Sở hữu chéo gây lũng đoạn thị trường tài chính

Sở hữu chéo trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm đang diễn biến ngày một nghiêm trọng và tinh vi. Trong đó, nổi cộm nhất là một nhóm nhà đầu tư thông qua sở hữu chéo để tìm cách lũng đoạn các tổ chức tín dụng và thị trường chứng khoán... Cụ thể, để vô hiệu hóa các quy định về đảm bảo an toàn vốn trong lĩnh vực ngân hàng, cũng như các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, thông qua sở hữu chéo, dòng tiền từ ngân hàng được bơm vào chứng khoán sẽ tinh vi hơn. Ví dụ, Ngân hàng A do đã hết hạn mức cho vay chứng khoán, nên không thể cho vay tiếp.

Họ sẽ thông qua thị trường liên ngân hàng để đẩy vốn vào Ngân hàng B, vẫn còn hạn mức cho vay chứng khoán. Tiền từ Ngân hàng B ngoài cách chảy vào chứng khoán theo phương thức truyền thống là cho các công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ vay, thì còn một cách mới tinh vi hơn là cho công ty đầu tư tài chính là “sân sau” của các ngân hàng vay. Tiếp đó, tiền từ công ty đầu tư tài chính sẽ thoải mái chảy vào chứng khoán. Sở dĩ xảy ra tình trạng này là vì về bản chất, công ty đầu tư tài chính là một định chế tài chính, nhưng hiện nó không bị điều chỉnh bởi luật các tổ chức tín dụng. Hơn nữa do công ty đầu tư tài chính đa phần không phải là công ty đại chúng hay doanh nghiệp niêm yết, nên theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, các hoạt động giao dịch của tổ chức này, cũng như những người có liên quan sẽ không phải công bố thông tin.

Ngoài ra, trong nhiều trường hợp, sở hữu chéo sẽ gây hệ lụy khôn lường khi nó bị lạm dụng để phục vụ “lợi ích nhóm” hay để che giấu tình trạng về tài chính của các doanh nghiệp và ngân hàng có liên quan. Cụ thể sở hữu chéo gây tình trạng mù mờ về sở hữu thực cũng như thực trạng lỗ, lãi và trách nhiệm giải trình, dẫn đến làm giảm hiệu lực và hiệu quả quản lý đối với doanh nghiệp và ngân hàng. Đặc biệt nguy hại hơn nếu sở hữu chéo bị lạm dụng và biến tướng thành sự lũng đoạn nhằm thiết kế bộ máy lãnh đạo doanh nghiệp và ngân hàng chỉ bao gồm những người trong cuộc. Lúc này họ có quyền chi phối và vô hiệu hóa các cơ quan kiểm soát nội bộ và kiểm toán bên ngoài, khiến hoạt động tài chính nội bộ bị bóp méo nghiêm trọng, tiềm ẩn nguy cơ phá sản đồng thời đe dọa sự đổ vỡ cho toàn hệ thống.

Như vậy có thể thấy, với 6 hình thức sở hữu chéo tại các ngân hàng với những mối quan hệ chằng chịt thì tác động của nó là không hề nhỏ. Các chỉ tiêu an toàn bị sai lệch ảnh hưởng tới hoạt động quản trị ngân hàng, nợ xấu không được xử lý dứt điểm và vẫn có xu hướng tăng cao, mâu thuẫn “lợi ích nhóm” xuất hiện. Trước thực trạng đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm giảm thiểu những rủi ro gây ra bởi sở hữu chéo.

4. Giải pháp giảm thiểu rủi ro sở hữu chéo tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

4.1. Giải pháp đối với việc sở hữu chéo làm sai lệch các chỉ tiêu an toàn tín dụng

Như trên đã phân tích, sở hữu chéo bị lợi dụng để vô hiệu hóa các quy định về giới hạn tín dụng, làm sai lệch các chỉ tiêu an toàn do việc tăng vốn ảo. Để hạn chế tình trạng này, cần quy định các khoản đầu tư và cho vay của tổ chức tín dụng này vào tổ chức

tín dụng khác phải được xác định rõ và loại trừ khỏi vốn cấp 1 của tổ chức được góp vốn khi tính hệ số an toàn vốn của tổ chức này. Đồng thời cần quy định cấm hiện tượng đầu tư “lòng vòng” giữa các tổ chức tín dụng với nhau (theo kiểu ngân hàng A đầu tư vào ngân hàng B, ngân hàng B đầu tư vào ngân hàng C và ngân hàng C lại quay lại đầu tư vào ngân hàng A). Như vậy, sẽ tránh tình trạng vốn chảy lòng vòng trong hệ thống ngân hàng dẫn tới việc tăng vốn không thực chất. Đặc biệt, các quy định về phòng chống rửa tiền cũng phải thực hiện một cách nghiêm túc. Ví dụ: Cần xác định rõ nguồn gốc dòng tiền dùng để góp vốn thành lập ngân hàng, nếu không minh bạch cần phải được xử lý nghiêm minh.

4.2. Giải pháp đối với việc sở hữu chéo làm gia tăng nợ xấu

Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước cùng với Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) đang tập trung giải quyết tổng dư nợ xấu khổng lồ của hệ thống ngân hàng và xử lý mạng lưới sở hữu chéo đang hiện hình. Để thực hiện được công việc này đòi hỏi một lộ trình dài. Trong khi Ngân hàng Nhà nước đang cố gắng tìm ra các biện pháp thật sự để xử lý bài toán nợ xấu và sở hữu chéo hiện hành, thì việc ngăn ngừa sự mở rộng của ma trận này là hết sức cần thiết.

Cụ thể, để ngăn chặn việc lách các quy định hiện hành về đối tượng cấm cho vay và hạn chế cho vay cần đưa ra cơ chế xác định rõ chủ sở hữu đích thực của tổ chức tín dụng và người có liên quan. Thay vì chỉ dừng lại ở quan hệ huyết thống như quy định hiện hành, cần bổ sung quy định về người có liên quan ở phương diện “thuê lao động”. Trên thực tế, chủ sở hữu của một ngân hàng có thể thuê người khác làm chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc, hoặc các chức danh khác và đứng tên sở hữu cổ phần cho mình, từ đó dẫn tới tình trạng không minh bạch trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, gây rủi ro an toàn hệ thống cho thị trường tài chính. Trong hình thức sở hữu chéo cần ngăn chặn hành vi thao túng của các cá nhân, cổ đông lớn biến các ngân hàng thành ngân hàng “sân sau” của mình, từ đó dẫn tới việc ký kết và thực hiện những khoản cho vay không hiệu quả.

Ngoài ra, để tăng tính minh bạch trong hoạt động ngân hàng góp phần ngăn chặn sự xuất hiện trở lại của sở hữu chéo, cần tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại các ngân hàng thương mại Việt Nam trong thời gian tới. Cần xem xét theo hướng tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong ngành ngân hàng lên 40%, đồng thời cũng cho phép nâng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài lên mức 25% hoặc 30% vốn điều lệ. Ngoài ra,

cũng cần bổ sung quy định cho phép một số ngân hàng nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh và kinh nghiệm quản lý mua lại những ngân hàng yếu kém.

4.3. Giải pháp đối với việc sở hữu chéo làm lung đoạn thị trường tài chính

Lợi ích nhóm là nguyên nhân làm gia tăng sở hữu chéo, đồng thời cũng là rào cản lớn nhất, thao túng và ảnh hưởng đến thị trường tài chính trong quá trình tái cơ cấu các ngân hàng thương mại. Sở hữu chéo dưới bàn tay của các cổ đông lớn có thể làm lung đoạn thị trường tài chính. Để tránh hiện tượng này, cần phải bổ sung các quy định giới hạn về mức sở hữu cổ phần và quyền tham gia lãnh đạo của mỗi cá nhân, chấm dứt tình trạng tồn tại những ngân hàng chỉ do một vài cổ đông lớn chi phối. Vì vậy, với mục tiêu công khai tỷ lệ sở hữu vốn tại các ngân hàng, ngân hàng nhà nước phải yêu cầu các ngân hàng công bố thông tin về các cổ đông có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 1% trở lên, từ đó có phương án giám sát chặt chẽ các mối quan hệ trong hoạt động tín dụng và đầu tư của các đối tượng này.

Cùng với quy định hiện hành của luật các tổ chức tín dụng năm 2010 về việc một cổ đông cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng; một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng, trừ một số trường hợp đặc biệt; cổ đông và những người liên quan của cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng (theo Điều 55), cần bổ sung quy định mỗi cá nhân không được dùng những người được ủy quyền để mua hay khống chế cổ phần tại ngân hàng và một người đã là nhân viên hoặc thuộc ban quản lý của ngân hàng này thì không được đóng vai trò ở một ngân hàng khác. Việc khống chế tỷ lệ sở hữu tại các tổ chức tín dụng bởi cá nhân cũng cần phải tính đến cả những sở hữu chéo gián tiếp để giảm thiểu sự lung đoạn của một cá nhân có

thể có ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động ngân hàng thông qua các công ty con của mình. Vì vậy, nên bổ sung quy định các công ty con không được phép nắm giữ cổ phiếu của công ty mẹ và công ty mẹ cũng không được phép nắm giữ quá mức số lượng cổ phần của công ty con. Đồng thời, buộc các công ty, ngân hàng muốn niêm yết phải có lượng tối thiểu thành viên của hội đồng quản trị là các thành viên độc lập từ bên ngoài.

Ngoài ra, để ngăn chặn “đường đi mới” của các dòng tiền từ ngân hàng bơm vào chứng khoán và đẩy lùi hiểm họa sở hữu chéo, cần sửa đổi luật các tổ chức tín dụng 2010 và các văn bản pháp lý liên quan, theo hướng đưa hoạt động của các công ty đầu tư tài chính vào đối tượng điều chỉnh của luật này. Riêng đối với việc quản lý dòng vốn đầu tư từ các ngân hàng thông qua các tổ chức kinh doanh chứng khoán, cần có các quy định nhằm làm lộ diện, từ đó kiểm soát chặt hoạt động này. Cụ thể, trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán niêm yết, nếu là đầu tư vào các tài sản khác, thì khách hàng ủy thác, đặc biệt là các ngân hàng, phải tự đứng tên chủ sở hữu. Ngược lại, nếu ngân hàng yêu cầu công ty quản lý quỹ đứng tên, thì phải chỉ định rõ danh mục đầu tư, tự chịu trách nhiệm về tỷ trọng đầu tư phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành.

Ngân hàng Nhà nước cũng cần giám sát các quy định hạn chế tỷ lệ sở hữu giữa các ngân hàng với nhau, cũng như yêu cầu các tập đoàn nhà nước phải thoái vốn khỏi các tổ chức tín dụng theo lộ trình đến năm 2015. Để nâng cao hiệu quả quản trị ngân hàng, chính phủ cần sớm nghiên cứu và thành lập thêm những định chế tổ chức, những cơ quan độc lập để cảnh báo, kiểm soát và điều tra những vấn đề liên quan đến ngành ngân hàng nói chung. Riêng trong nội bộ từng ngân hàng, yêu cầu ban kiểm soát phải thực sự độc lập với HĐQT và có quyền phủ quyết các quyết định có ảnh hưởng tiêu cực đến các nhà đầu tư nhỏ lẻ hoặc phục vụ cho lợi ích nhóm. □

Tài liệu tham khảo:

- Án họa sở hữu chéo (2013), truy cập ngày 02 tháng 8 năm 2013 từ <<http://www.tapchitaichinh.vn/Trao-doi-Binh-luan/An-hoa-so-huu-cheo/29202.tctc>>
- Berger, Allen N., Klapper, Leora F. và Zaidi, Rida (2008), “Bank ownership type and banking relationships”, *Journal of financial intermediation*, số 17, trang 37-62.
- Cole, Shawn (2009), “Financial Development, Bank Ownership, and Growth: Or, Does Quantity Imply Quality?”, *The Review economics and Statistics*, số 91, trang 33-51.
- De Bonis, Riccardo, Pozzolo, Alberto F. và Stacchini, Massimiliano (2011), “The Italian Banking System: Facts and Interpretations”, truy cập ngày 7 tháng 8 năm 2012, từ <<http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.2126074>>
- Ngân hàng Nhà nước (2005), Quyết định số 457/2005/QĐ – NHNN, quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng”, ban hành ngày 9/4/2005.
- Ngân hàng Nhà nước (2010), Thông tư số 13/2010/TT-NHNN, quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động

- của tổ chức tín dụng, ban hành ngày 20/5/2010.
- Ngân hàng Nhà nước (2012), *Báo cáo thường niên*, Hà Nội.
- Ngân hàng Nhà nước (2013), *Báo cáo thường niên*, Hà Nội.
- Ngân hàng Nhà nước (2013), Thông tư số 02/2013/TT-NHNN, *quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*, ban hành ngày 21/01/2013.
- Nguyễn Thị Lan Hương (2013), *Nhật Bản: Hạn chế tình trạng sở hữu chéo*, truy cập ngày 5 tháng 6 năm 2013, từ <http://www.tapchitaichinh.vn/Nhan-dinh-Du-bao/Nhat-Ban-Han-che-tinh-trang-so-huu-cheo/26220.tctc>.
- Nguyễn Đức Mậu và Nguyễn Xuân Thành (2012), “Cấu trúc sở hữu trong khu vực ngân hàng thương mại Việt Nam”, *Báo cáo nghiên cứu – Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright*, TP Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Minh Phong (2013), *Sở hữu chéo và những hệ lụy của sở hữu chéo*, truy cập ngày 9 tháng 4 năm 2013, từ <http://www.tapchitaichinh.vn/Trao-doi-Binh-luan/So-huu-cheo-va-nhung-he-luy-cua-so-huu-cheo/24374.tctc>
- Nguyễn Đức Trung và Phạm Mạnh Hùng (2013), *Thực trạng sở hữu chéo trong hệ thống ngân hàng Việt Nam hiện nay và một số kiến nghị*, truy cập ngày 8 tháng 9 năm 2013, từ <https://luattaichinh.wordpress.com/tag/so-huu-cheo/>
- Quốc hội (2010), *Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12*, ban hành ngày 25/01/2011.
- Quản lý rủi ro sở hữu chéo và đầu tư chéo* (2013), truy cập ngày 1 tháng 8 năm 2013, từ <http://www.tapchitaichinh.vn/Kinh-te-Dau-tu/Quan-ly-rui-ro-so-huu-cheo-va-dau-tu-cheo/29181.tctc>
- “Rủi ro sở hữu chéo và đầu tư chéo - Những nguy cơ tiềm ẩn” (2013), truy cập ngày 2 tháng 8 năm 2013, từ <http://npsc.gov.vn/tin-tuc/rui-ro-so-huu-cheo-va-dau-tu-cheo-nhung-nguy-co-tiem-an>
- “Sở hữu chéo và năng lực cạnh tranh của các ngân hàng - Một số kinh nghiệm từ nước Ý” (2014), truy cập ngày 27 tháng 3 năm 2014, từ http://www.sbv.gov.vn/portal/faces/vi/vilinks/videtail/vicm255/vict255;jsessionid=LMPnJjJbCQtbrpLhnWcmQnlyTGdCLwQKNnRQvIXkC9trypQGT5wz!-925500085!1306749457?_afWindowId=null&_afLoop=9005469598485400&dDocName=CNTHWEBAP0116211757162&_afWindowMode=0&_adf.ctrl-state=5suc3uhee_129#%40%3F_afWindowId%3Dnull%26_afLoop%3D9005469598485400%26dDocName%3DCNTHWEBAP0116211757162%26_afWindowMode%3D0%26_adf.ctrl-state%3Dndx8rbifp_4
- Ủy ban kinh tế quốc hội (2012), *Báo cáo kinh tế vĩ mô*, Hà Nội.

The risk of cross ownership in Vietnam’s commercial banking system – The current situation and solutions

Abstract:

Restructuring Vietnam’s commercial banking system is the key task of the “Restructuring the system of credit institutions in the period of 2011-2015” project. However, this process has been facing with a very difficult knot named cross ownership. Cross ownership results in the distortion of capital structure, raises a conflict of interests, nullifies credit safety norms and causes non-performing loans. Facing severe impacts of cross ownership, solutions are proposed as follows: re-determining capital when calculating capital adequacy ratio, prohibiting string investment among credit institutions, establishing a mechanism to define owners in credit institutions, increasing the percentage of ownership of foreign investors in Vietnam’s commercial banks, providing additional regulations that limit ownership ratio, requesting financial investment companies’ activities to be regulated by the law on credit institutions.

Thông tin tác giả:

* **Nguyễn Thị Hoài Phương**, tiến sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Ngân hàng – Tài chính, Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu: Ngân hàng – Tài chính

- Các tạp chí đã đăng bài: *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, *Tạp chí Ngân hàng*, *Tạp chí Tài chính Kế toán*, *Thị trường tiền tệ*...

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: Phuong.fbf@gmail.com